

**CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM OMEGA CARE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM OMEGA CARE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: OMEGA CARE PHARM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107975344

**3. Ngày thành lập:** 23/08/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3, liên kè 4A, KĐT Mỗ Lao, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                            | 2511        |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết : Bán buôn thực phẩm chức năng và nguyên liệu dùng sản xuất thực phẩm chức năng                                                                                            | 4632(Chính) |
| 3.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                          | 4633        |
| 4.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                              | 4661        |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp<br>Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) | 4669        |
| 6.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                    | 4741        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                       | 5229        |
| 8.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu                                                                                                                                                                           | 0128        |
| 9.  | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                                                                             | 0150        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh./.                                                                              | 8299        |
| 11. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                  | 7020        |
| 12. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : Sản xuất nguyên phụ liệu dùng sản xuất thực phẩm chức năng                                                                                             | 3290        |
| 13. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                    | 4620        |
| 14. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào                                                                                                                                                                     | 4634        |
| 15. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                       | 4662        |
| 16. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng                                                                                                                  | 1079        |
| 17. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                              | 2220        |
| 18. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                 | 4742        |
| 19. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                          | 4932        |
| 20. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                            | 4933        |
| 21. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                          | 5610        |
| 22. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                            | 4330        |
| 23. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                 | 5510        |
| 24. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                                                             | 1080        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.100.000.000 VNĐ

Ho và tên: CHU VĂN GIANG

Quốc tịch: *Việt Nam*

Sinh ngày: 13/10/1982      Dân tộc: Kinh

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 00108201425

Ngày cấp: 10/08/2016      Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Thuận Trại, Xã Phú Đông, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm Thuận Trại, Xã Phú Đông, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

\* Ho và tên: CHU VĂN GIANG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 13/10/1982      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 00108201425

Ngày cấp: 10/08/2016      Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Thuận Trại, Xã Phú Đông, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm Thuận Trại, Xã Phú Đông, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội